TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/DS-PT
Ngày 14 - 11 - 2018
V/v tranh chấp QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Nguyễn Văn Thuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L - Có mặt.

Ông Nguyễn Văn B - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B: Bà Trần Thị L (theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 3 năm 2016) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Huy - Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh Huy, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Đ - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Bùi Thị H - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:*

Ông Lê Văn S - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon S, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Hoàng Văn N - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2015 của bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn B và trong quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày:

Năm 1999 ông Chế Trọng H (không rõ địa chỉ) mua của bà Nguyễn Thị H một thửa đất có diện tích chiều rộng mặt đường quốc lộ 28 là 30m, thuộc xã Đ, huyện Đ cũ, nay là thôn Đ, xã Đ, thị xã G. Cùng năm, ông Chế Trọng H bán lại cho bà L 10m chiều rộng mặt đường quốc lộ 28, đất có vị trí:

- Phía Đông giáp đất ông Đ;
- Phía Tây giáp đất ông Chế Trọng H;
- Phía Bắc giáp cà phê ông V;
- Phía Nam giáp mặt đường quốc lộ 28.

Khi nhận chuyển nhượng đất chưa có giấy tờ gì. Để thuận lợi cho việc làm sổ đỏ nên bà L nhờ bà Nguyễn Thị H viết giấy sang nhượng và đứng tên người bán, giấy viết ngày 29/01/1999. Bà L đã nhận đất, cắm cọc xác định vị trí, ranh giới đúng như trong giấy sang nhượng.

Năm 2011, bà L đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 08/8/2011, được Uỷ ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 338596, diện tích 347m^2, thửa số 159, tờ bản đồ số 09. Khi làm thủ tục cấp giấy, bà Bùi Thị H có ký giáp ranh. Đến khoảng tháng 02/2015, ông Đ, bà Bùi Thị H nhổ bỏ cọc cắm mốc ranh giới, đào móng, xây tường lấn chiếm đất về phía đông lô đất của bà L diện tích chiều rộng phía trên giáp đường quốc lộ 28 là 0,7m, phía dưới giáp đất ông V 0,5m. Do đó bà khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà Bùi Thị H phải trả lại cho bà diện tích đất đã lấn chiếm là 0,7m phía trước giáp đường QL 28, phía dưới là 0,5m.

Bị đơn ông Bùi Văn Đ, bà Bùi Thị H trình bày:

Năm 1999 ông Đ mua của ông Nguyễn Trọng T 03m, ông Lê Văn S 05m, ông Hoàng Văn N 07m đất mặt đường Quốc lộ 28, vị trí các thửa đất này liền kề nhau, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ (cũ), nay là thôn Đ, xã Đ, thị xã G, khi mua có viết giấy tay, cả ba người làm chung một giấy vì đất liền kề nhau, có xác nhận của UBND xã Đ, giấy này ông Đ đã nộp cho Văn phòng đăng ký đất thị xã G khi làm đơn xin cấp giấy chứng nhận. Ông bà đã nhận đất từ năm 1999 và sử dụng 05m mua của ông S dựng nhà gỗ để ở. Năm 2004 ông Đ đi làm sổ đỏ nhưng do đất của ông N, ông T, ông S đã được cấp sổ đứng tên ông K'C, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 102477, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 09, diện tích 3.265m^2, nên ông Đ làm hợp đồng chuyển nhượng trực tiếp từ ông K'C sang ông Đ. Ngày 06/02/2004, ông Đ được Ủy ban nhân dân thị xã G cấp Giấy CNQSD đất số K 564097, diện tích 489m^2, thửa số 77, tờ bản đồ số 09.

Năm 2009 ông Mai Hữu D là người sử dụng đất liền kề có cho gia đình ông Đ, bà Bùi Thị H khoảng 90m^2 vị trí phía sau giáp đất ông Đào Xô V. Năm 2010 ông Đ kê khai đăng ký biến động và được UBND thị xã G cho phép biến động về hình thể và diện tích thành 572,5m^2.

Ngày 14/4/2010, ông Đ, bà Bùi Thị H chuyển nhượng thửa số 143 cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Ngày 07/7/2010, Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 564097, đồng thời cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 407210, thửa số 77, tờ bản đồ số 09, diện tích 218,5m^2 cho vợ chồng ông Đ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 143, diện tích 354m^2 cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh T.

Năm 2015 ông Đ, bà Bùi Thị H tháo dỡ nhà gỗ, làm nhà xây trên diện tích 218,5m^2. Ông Đ, bà Bùi Thị H cho rằng ông bà sử dụng đất đúng vị trí, đúng ranh giới, không lấn chiếm đất của bà L nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người làm chứng:

Ông Hoàng Văn N trình bày: Năm 1998 ông N mua của ông K'C một thửa đất diện tích chiều rộng giáp đường Quốc lộ 28 là 99m, đất đã có sổ đỏ đứng tên ông K'C, chưa làm thủ tục sang tên. Cũng trong năm 1998 ông cắt bán cho nhiều người, trong đó có bán cho ông Bùi Văn Đ 07m chiều rộng theo đường Quốc lộ 28, chiều sâu khoảng 50m, việc bán đất chỉ thoả thuận miệng, không lập giấy tờ gì. Thửa đất ông bán cho ông Đ giáp bờ ranh lô chè của bà Nguyễn Thị H (Bờ ranh rộng 03m). Hiện trạng đất bỏ hoang không có tài sản gì.

Khoảng năm 1999, ông Đ mua của ông S (không rõ họ) 01 lô đất có chiều rộng giáp đường Quốc lộ 28 là 05m, trên đất có 01 căn nhà gỗ, mái lợp tôn. Nguồn gốc đất của ông S bán lại cho ông Đ là trước đây ông S mua của bà Nguyễn Thị H, hiện tại ông Đ đang trực tiếp sử dụng đất và nhà này.

Ông có biết ông Nguyễn T chết năm 2006, quá trình sinh sống ông Nguyễn T không có đất ở khu vực liền kề thửa đất của bà Nguyễn Thị H và ông K'C. Lý do ông biết rõ tình hình sử dụng đất của những người trên là do từ năm 2000 đến cuối năm 2003 ông làm phó ban tự quản thôn A, xã Đ (BL 229).

Ông Lê Văn S trình bày:

Trước năm 1999, ông có đất và sinh sống tại thôn A, xã Đ, quá trình sinh sống ông có mua 01 lô đất của Nông trường chè huyện Đ (cũ) rộng khoảng 47m mặt đường Quốc lộ 28.

Năm 1999 ông có mua của bà Nguyễn Thị H 05m đất mặt đường Quốc lộ 28, dài khoảng 50m. Do không có nhu cầu sử dụng nên ông bán lại cho ông Đ diện tích đất này. Hiện trạng đất khi mua của bà Nguyễn Thị H là đất trồng chè, nhưng đã bỏ hoang không chăm sóc, ông mua xong cũng để đất hoang, khi bán cho ông Đ thì đất vẫn nguyên hiện trạng, không biết cụ thể tứ cận thửa đất. Ông có biết ông Nguyễn T, có vợ tên là Nguyễn Thị Thanh T, vì lúc ông còn sinh sống tại thôn A xã Đ, ông có thấy ông Nguyễn T làm rẫy tại đây. Ông Nguyễn T và ông Hoàng Văn N có canh tác trên đất liền kề với đất tôi mua của bà Nguyễn Thị H (BL 231, 236).

Bà H'A (Vợ ông K'C) trình bày:

Trước đây vợ chồng bà có khai hoang một thửa đất và trồng chè tại xã Đ (cũ). Năm 1996 được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất, thửa số 51, tờ bản đồ số

09, diện tích 3265m^2. Tuy nhiên, từ khi được cấp sổ cho đến khi ông K'C chết (Năm 2014) bà không biết được ông K'C đã bán đất cho người nào cả. Hện tại bản thân bà không giữ bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến thửa đất nói trên (BL 235).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 338596, do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho hộ bà Trần Thị L ngày 08/8/2011 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 9 với diện tích 347 m^2 để điều chỉnh lại cho đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2018, bà Trần Thị L làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn B. Buộc ông Đ, bà Bùi Thị H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm để trả lại đất cho ông B, bà L đúng hiện trạng như trước khi bị lấn chiếm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết ở Toà án cấp sơ thẩm. Bà Bùi Thị H giữ nguyên lời khai đã được thể hiện trong hồ sơ và xác định đất của gia đình bà tổng cộng là 15m chiều rộng giáp đường Quốc lộ 28, chiều rộng phía sau là 15m, gia đình bà không lấn chiếm đất của gia đình bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng quá trình giải quyết ông Đ, bà Bùi Thị H khai vào năm 1999 ông Đ mua của ông Nguyễn Trọng T 03m, ông Lê Văn S 05m, ông Hoàng Văn N 07m đất mặt đường Quốc lộ 28, tổng cộng là 15m. Sau khi được cấp giấy chứng nhận, ông Đ, bà Bùi Thị H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Thanh T diện tích 09m mặt đường Quốc lộ 28. Tuy nhiên, khi xem xét thẩm định tại chỗ không đo đạc diện tích đất của ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Thanh T thì không thể xác định được gia đình bà Nguyễn Thị Thanh T hiện nay đang sử dụng diện tích đất bao nhiêu, nên chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án.

Kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 13/4/2018 thể hiện: Diện tích đất tranh chấp phía giáp đường Quốc lộ 28 là 1,38m, phía dưới 1,04m, tổng diện tích là 27,7m^2, hiện nay hộ ông Đ đang sử dụng đã xây dựng nhà ở, nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại nhận định là thửa đất số 159 bà L đang sử dụng diện tích chiều rộng phía trên là 10,28m, phía dưới là 10,48m; trong khi đó tại Giấy CNQSD đất thể hiện chiều rộng phía trên là 9,9m, phía dưới là 9,8m. Như vậy, đất thực tế bà L sử dụng nhiều hơn trong Giấy CNQSD đất lần lượt là 0,38m và 0,68m để bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không đúng thực tế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, huỷ bản án sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung : Sau khi phân tích , đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ , kết quả tranh tụng tại phiên tòa , đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, huỷ bản án sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Nguồn gốc đất của gia đình bà Trần Thị L là nhận chuyển nhượng của ông Chế Trọng H vào năm 1999, diện tích 10m mặt đường Quốc lộ 28. Do ông Chế Trọng H nhận chuyển nhượng đất từ bà Nguyễn Thị H, để tiện cho việc làm sổ đỏ, nên vào ngày 29/01/1999, bà L đã nhờ bà Nguyễn Thị H viết giấy sang nhượng đất cho bà L thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Đ; Phía Tây giáp đất ông Chế Trọng H; Phía Bắc giáp cà phê ông V; Phía Nam giáp mặt đường Quốc lộ 28 (BL 31). Ngày 08/8/2011, được UBND thị xã G cấp Giấy CNQSD đất số BE 338596, diện tích 347m^2, thửa số 159, tờ bản đồ số 09. Khi làm thủ tục cấp giấy, bà Bùi Thị H có ký giáp ranh.

[2]. Nguồn gốc đất của hộ ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn S 05m, ông Hoàng Văn N 07m, ông Nguyễn Trọng T 03m, tổng cộng là 15m mặt đường Quốc lộ 28. Ngày 06/02/2004, ông Đ được cấp Giấy CNQSD đất số K 564097, diện tích 489m^2, thửa số 77, tờ bản đồ số 09. Quá trình sử dụng ông Mai Hữu D là người sử dụng đất liền kề có cho gia đình bà Bùi Thị H khoảng 100m^2, vị trí giáp rẫy ông Đào Xô V. Năm 2010 gia đình bà Bùi Thị H làm thủ tục đăng ký biến động và được cấp tổng diện tích là 572,5m^2. Ngày 14/4/2010, ông Đ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh T 09m, thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất. Diện tích còn lại ông Đ đã được cấp lại Giấy CNQSD đất số BB 407210, thửa số 77, tờ bản đồ số 09, diện tích 218,5m^2, cấp ngày 07/7/2010.

[3]. Kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 13/4/2018 thể hiện: Diện tích đất thực tế hộ bà L đang sử dụng là chiều rộng giáp đường Quốc lộ 28 là 8,90m, được cấp 9,9m, thiếu 01m. Chiều rộng phía sau là 9,44m, được cấp 9,8m, thiếu 0,36m (BL 21, 215). Diện tích đất thực tế hộ ông Đ đang sử dụng phía trước giáp đường Quốc lộ 28 là 6,18m, được cấp 06m, thừa 0,18m; chiều rộng phía sau là 6,31m, được cấp

07m, thiếu 0,69m. Diện tích đất tranh chấp phía giáp đường Quốc lộ 28 là 1,38m, phía dưới 1,04m, tổng diện tích là 27,7m^2, hiện nay hộ ông Đ đang sử dụng đã xây dựng nhà ở (BL 131, 215). Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm lại nhận định là thửa đất số 159 bà L đang sử dụng diện tích chiều rộng phía trên là 10,28m, phía dưới là 10,48m; trong khi đó tại Giấy CNQSD đất thể hiện chiều rộng phía trên là 9,9m, phía dưới là 9,8m. Như vậy, đất thực tế bà L sử dụng nhiều hơn trong Giấy CNQSD đất lần lượt là 0,38m và 0,68m để bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không đúng với kết quả đo đạc.

[4]. Toà án cấp sơ thẩm ban hành quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 159 cấp cho hộ bà L, thửa đất số 77 của hộ ông Đ và thửa đất số 143 ông Đ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Quốc T (BL 172). Tuy nhiên, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/4/2017 thể hiện: Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 9, diện tích 354m^2 là của bà Nguyễn Thị Xí H (BL 180). Kết quả mảnh trích đo hiện trạng thửa đất lại không có thửa đất số 143, mà thửa đất liền kề với đất ông Đ về phía đông là của ông Nguyễn Minh H (BL 216). Như vậy, cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc và xác định diện tích đất của Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Thanh T nhận chuyển nhượng của ông Đ nằm ở vị trí nào, diện tích thực tế đang sử dụng bao nhiêu m^2 là chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Diện tích đất hiện nay đang tranh chấp phía giáp đường Quốc lộ 28 là 1,38m, phía dưới 1,04m, tổng diện tích là 27,7m^2, hiện nay hộ ông Đ đang sử dụng đã xây dựng nhà ở, nhưng trong biên bản xem xét thẩm định cũng không mô tả tài sản trên đất tranh chấp và định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án. Mặt khác, bà Bùi Thị H khai khai quá trình sử dụng gia đình bà có nhu cầu tách thửa nhưng diện tích không đủ, nên ông Mai Hữu D là người sử dụng đất liền kề có cho gia đình bà Bùi Thị H khoảng 100m^2, vị trí giáp rẫy ông Đào Xô V. Năm 2010 gia đình bà Bùi Thị H làm thủ tục đăng ký biến động và được cấp tổng diện tích là 572,5m^2 (BL 225), nhưng Toà án cấp sơ thẩm không lấy lời khai của ông Mai Hữu D để làm rõ có việc ông Mai Hữu D cho gia đình bà Bùi Thị H đất như lời khai của bà Bùi Thị H hay không là thiếu sót.

[5]. Lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn N và ông Lê Văn S còn có sự mâu thuẫn mà chưa được đối chất làm rõ cụ thể: Ông N khai khoảng năm 1999, ông Đ mua của ông S 01 lô đất có chiều rộng giáp đường Quốc lộ 28 là 05m, trên đất có 01 căn nhà gỗ, mái lợp tôn. Quá trình sinh sống tại thôn A, xã Đ, ông Nguyễn T không có đất ở khu vực liền kề thửa đất của bà Nguyễn Thị H và ông K'C. Lý do ông biết rõ tình hình sử dụng đất của những người trên là do từ năm 2000 đến cuối năm 2003 ông làm phó ban tự quản thôn A, xã Đ (BL 229). Ông Lê Văn S lại khai: Năm 1999, ông có bán cho ông Đ 05m đất mặt đường Quốc lộ 28, dài khoảng 50m, nguồn gốc đất này ông mua của bà Nguyễn Thị H. Hiện trạng đất khi mua của bà Nguyễn Thị H là đất trồng chè, nhưng đã bỏ hoang không chăm sóc, ông mua xong cũng để đất hoang, khi bán cho ông Đ thì đất vẫn nguyên hiện

trạng, không biết cụ thể tứ cận thửa đất. Trước đây ông Nguyễn T và ông N có canh tác trên đất liền kề với đất tôi mua của bà Nguyễn Thị H (BL 236). Ngoài ra cần phải xác minh tại cơ quan có thẩm quyền để làm rõ lý do vì sao gia đình bà Bùi Thị H nhận chuyển nhượng tổng cộng 15m chiều rộng mặt đường Quốc lộ 28, chiều rộng phía sau 15m, đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh T 09m, nhưng khi cấp GCNQDĐ cho gia đình bà Bùi Thị H phía trước giáp đường Quốc lộ 28 là 06m, chiều rộng phía sau là 07m, nhiều hơn so với diện tích đất thực tế nhận chuyển nhượng.

[6]. Do Toà án cấp sơ thẩm có những thiếu sót như đã phân tích ở trên, tại phiên toà phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, huỷ bản án sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 30/7/2018 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà là có căn cứ, cần chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L.

Huỷ bản án sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 03/7/2018 của Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0001793 ngày 13/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thông